

HIỆN TƯỢNG ĐỒNG NGHĨA TRONG THUẬT NGỮ NGÀNH Ô TÔ TIẾNG ANH

PHẠM ANH TIẾN*

TÓM TẮT: Theo quan điểm thuật ngữ học truyền thống, hiện tượng đồng nghĩa không được phép xuất hiện trong hệ thống thuật ngữ do mỗi thuật ngữ phải tương ứng với một khái niệm để đảm bảo tính chính xác của chúng. Tuy vậy, trên thực tế, các thuật ngữ tương đương hoặc cùng thể hiện một khái niệm vẫn được sử dụng trong các văn bản chuyên môn ở những mức độ nhất định. Bài báo này làm rõ khái niệm đồng nghĩa trong thuật ngữ và nghiên cứu các dạng thức cũng như nguyên nhân xuất hiện các thuật ngữ đồng nghĩa trong lĩnh vực ô tô. Thông qua việc miêu tả, phân tích thành tố trực tiếp, trong số 2.197 khái niệm được rút ra từ một cuốn từ điển thuật ngữ ngành ô tô, có 285 khái niệm có đồng nghĩa và 314 cặp đồng nghĩa xuất hiện với 9 dạng thức khác nhau: đồng nghĩa do cách viết chính tả, đồng nghĩa do thay đổi hình thái, đồng nghĩa do viết tắt, đồng nghĩa do sử dụng từ ngữ phương ngữ, đồng nghĩa do sử dụng ngữ vực khác nhau, đồng nghĩa do sử dụng yếu tố đồng nghĩa, đồng nghĩa do yếu tố lịch đại, đồng nghĩa do thay đổi đặc điểm của khái niệm ở thành tố phụ và ở thành tố chính. Trên cơ sở đó, nguyên nhân xuất phát từ nội tại ngôn ngữ và ngoại ngôn ngữ của hiện tượng đồng nghĩa cũng được xác định rõ.

TỪ KHÓA: thuật ngữ; hiện tượng đồng nghĩa; thuật ngữ đồng nghĩa; dạng thức đồng nghĩa; khái niệm.

NHẬN BÀI: 14/10/2024.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 12/12/2024

1. Đặt vấn đề

Theo thuật ngữ học truyền thống, tính đơn nghĩa hay một khái niệm tương ứng với một thuật ngữ duy nhất là đặc trưng cơ bản nhất để đảm bảo tính chính xác, rõ ràng của hệ thống thuật ngữ. Tuy nhiên, gần đây, thuật ngữ chuyên môn được sử dụng rộng rãi để đáp ứng nhu cầu khác nhau qua nhiều phương tiện trao đổi, giao tiếp, chuyển giao tri thức. Chính vì thế, thuật ngữ đồng nghĩa, tức là các thuật ngữ khác nhau thể hiện cùng một khái niệm, trở thành một hiện tượng khá phổ biến xuất hiện trong nhiều dạng văn bản và hình thức khác nhau trong nhiều lĩnh vực và ngôn ngữ khác nhau (Cabre, M. T, 1999; Cabre, M. T, 2003; Faber P, 2012; L'Homme M. C, 2020; và Temmerman, R, 2000).

Do đó, mở rộng nghiên cứu về hiện tượng đồng nghĩa trong thuật ngữ mang lại những cái nhìn toàn diện hơn về sự phát triển của hệ thống thuật ngữ và rõ ràng hơn về cơ chế định danh, nguyên nhân xuất hiện các biến thể của thuật ngữ trong thực tế, từ đó, tạo cơ sở cho việc quản lý, chuẩn hóa, kế hoạch hóa, xây dựng và phát triển hệ thống thuật ngữ một cách nhất quán và hiệu quả hơn trong các lĩnh vực chuyên môn nói chung và ngành ô tô nói riêng.

2. Hiện tượng đồng nghĩa trong thuật ngữ

Mặc dù các đồng nghĩa thuật ngữ không được khuyến khích sử dụng trong hoạt động nghiên cứu và ứng dụng thuật ngữ, hiện tượng đồng nghĩa vẫn xuất hiện trong nhiều ngữ cảnh giao tiếp, trao đổi tri thức khác nhau trong đó nhiều thuật ngữ và biến thể của chúng được chính chuyên gia trong các lĩnh vực chuyên môn sử dụng (Freixa J, 2006).

Petrovsky, 1983, cho rằng các từ đồng nghĩa trong thuật ngữ là những từ hoặc tổ hợp từ khác nhau về mặt ngữ âm thể hiện cùng một khái niệm khoa học trong một lĩnh vực nhất định. (dẫn theo Polackova G, 2001). Làm rõ hơn khái niệm này, (Smirnova, 2011, tr.190), xác định hiện tượng đồng nghĩa thuật ngữ là một dạng quan hệ ngữ nghĩa trong đó, các đơn vị thuật ngữ khác nhau cùng thể hiện một khái niệm, miêu tả những đặc điểm khác nhau của khái niệm, các sắc thái biểu cảm, phong cách thể hiện (dẫn theo Khisamova V, Abdullina L, Nurgalieva I, Motygullina Z, 2020). Khisamova V, Abdullina L, Nurgalieva I, Motygullina Z, 2020, cho rằng nếu các thuật ngữ cùng thể hiện một

*TS; Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội; Email: phamanhtien@hau.edu.vn

khái niệm thì chúng tương đương với nhau về mặt ngữ nghĩa. Theo nhóm tác giả, từ năm 1970, khái niệm từ đồng nghĩa, các dạng song thức, biến thể được xem là các tương đương và các biến thể cũng có thể xem là một dạng đồng nghĩa và ngược lại. Đồng thời, nghiên cứu cũng chỉ rõ thuật ngữ tương đương là những thuật ngữ giống nhau hoặc gần nhau về nghĩa được dùng để đặt tên một khái niệm.

Theo đường hướng ngôn ngữ học xã hội, các học giả thường dùng thuật ngữ “biến thể” để thay thế cho đồng nghĩa thuật ngữ. León-Araúz, P, Cabezas-García M, 2020, cho rằng biến thể có nghĩa là các thuật ngữ có thể sử dụng cho cùng một khái niệm. Làm rõ hơn khái niệm này, León-Araúz, P, Cabezas-García, M, Reimerink, A, 2020, xác định biến thể thuật ngữ xuất hiện khi nhiều hình thức thể hiện được sử dụng để đặt tên cho cùng một khái niệm. Trong khi đó, Fernadez-Silva S, 2018, cho rằng biến thể thuật ngữ là sự tồn tại của những thuật ngữ khác nhau để chỉ một khái niệm.

Như vậy, mặc dù khác nhau trong cách diễn đạt và sử dụng thuật ngữ nhưng các nghiên cứu đều thống nhất quan điểm cho rằng đồng nghĩa thuật ngữ là hiện tượng nhiều thuật ngữ (biến thể) được sử dụng để thể hiện một khái niệm chuyên môn. Đây cũng chính là quan điểm cơ bản bài báo vận dụng để xác định các thuật ngữ đồng nghĩa trong ngành ô tô. Đồng thời, đồng nghĩa thuật ngữ cũng được xác định dựa quan điểm của Khisamova V, Abdullina L, Nurgalieva I, Motygullina Z, 2020, tức là từ đồng nghĩa, các dạng song thức, biến thể được xem là các tương đương và biến thể trong cùng một ngôn ngữ cũng có thể xem là đồng nghĩa.

3. Phân loại đồng nghĩa thuật ngữ

Các nghiên cứu gần đây cho thấy hiện tượng đồng nghĩa xuất hiện khá phổ biến và được các nhà nghiên cứu phân loại dựa trên các đặc điểm từ vựng, ngữ pháp, ngữ nghĩa của thuật ngữ cũng như những yếu tố ảnh hưởng và đặc trưng thể hiện cách thức tiếp nhận khái niệm khác nhau.

Dubuc, 1997, chia đồng nghĩa thuật ngữ thành 3 loại: (1) đồng nghĩa thực, là những thuật ngữ cùng thể hiện một khái niệm và có thể thay thế cho nhau, (2) thuật ngữ gần nghĩa, là thuật ngữ những có thể thay thế cho nhau nhưng khác nhau ở một số điều kiện, phương diện cụ thể như đặc điểm địa lí hoặc thời điểm, tần suất sử dụng và lĩnh vực chuyên môn và (3) đồng nghĩa giả, là những thuật ngữ không thể thay thế cho nhau do những đặc điểm cụ thể làm hẹp nội dung nghĩa của chúng (dẫn theo Cocca M, 2016).

Trong nghiên cứu về thuật ngữ đồng nghĩa trong y học, Khisamova V, Abdullina L, Nurgalieva I, Motygullina Z, 2020, chia thành hai nhóm: (1) thuật ngữ đồng nghĩa, là những thuật ngữ thuộc cùng một ngôn ngữ, có nghĩa giống hoặc gần giống nhau, (2) thuật ngữ tương đương, là các thuật ngữ thuộc các ngôn ngữ khác nhau, có nghĩa giống hoặc gần giống nhau. Từ đó, các tác giả đã liệt kê một loạt dạng đồng nghĩa trong tiếng Anh, tiếng Nga và tiếng Tarta trong lĩnh vực y học với nhiều dạng đồng nghĩa được giải thích cụ thể.

Faber P, León-Araúz P, 2016, xây dựng bảng phân loại đồng nghĩa chi tiết mà các tác giả gọi là “biến thể” thuật ngữ bao gồm: (1) biến thể chữ viết, chính tả thông thường, (2) biến thể chữ viết, chính tả do phương ngữ, biến thể phương ngữ, biến thể do đặc điểm văn hóa quy định, dịch sao phỏng và từ mượn, (3) biến thể viết tắt, (4) biến thể có sử dụng thuật ngữ khoa học, tiếng lóng, từ nghề nghiệp, kí hiệu, danh pháp khoa học, biến thể do người dùng khác nhau, biến thể sử dụng trong các ngữ cảnh và lĩnh vực chuyên môn khác nhau, (5) biến thể tri nhận thể hiện các đặc điểm của khái niệm và mục đích sử dụng khác nhau, (6) biến thể bao hàm, (7) biến thể lịch đại, (8) biến thể không khuyến khích sử dụng do mất nghĩa, chuyển nghĩa và (9) biến thể hình thái cú pháp.

Trong khi đó, Fernadez-Silva S, 2018, phân loại biến thể thuật ngữ theo 3 nhóm xét trên mức độ tương đương ngữ nghĩa của biến thể với thuật ngữ gốc: mức độ thấp, mức độ trung bình và mức độ cao. Theo đó, nội dung ngữ nghĩa không thay đổi gồm các dạng biến thể chính tả, hình thái, hình thái cú pháp. Trong khi đó, các biến thể có cấu tạo nhiều thành tố được xác định thông qua sự thay đổi ở thành tố phụ thuộc nhóm có thay đổi ngữ nghĩa ở mức độ trung bình. Nhóm thể hiện sự khác biệt ngữ nghĩa lớn nhất là những biến thể thay đổi thành tố chính hoặc cả thành tố chính và thành tố phụ. Các đặc điểm khác nhau của khái niệm theo quan hệ thượng danh, hạ danh, các phạm trù khác nhau thường được dùng để thay thế trong những trường hợp này.

Trong nghiên cứu này, chúng tôi thống nhất với quan điểm của Khisamova V, Abdullina L, Nurgalieva I, Motygullina Z, 2020 khi xác định các biến thể được sử dụng cũng chính là các đồng nghĩa trong thuật ngữ. Đồng thời, chúng tôi kết hợp cách phân loại của Fernadez-Silva S, 2018, và Faber P, León-Araúz P, 2016, để làm cơ sở cho việc phân loại các đồng nghĩa thuật ngữ ngành ô tô trong tiếng Anh. Tuy nhiên, cũng có những trường hợp đồng nghĩa thuật ngữ có thể là sự kết hợp của các hình thức khác nhau. Vì thế, khi khảo sát các đồng nghĩa, cần phải phân tích rõ đặc trưng nổi bật trong các hiện tượng đó để sắp xếp chúng vào các nhóm phù hợp.

4. Phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện được mục tiêu trên, nghiên cứu này tiến hành khảo sát các quan điểm, cách tiếp cận của các nhà nghiên cứu về hiện tượng đồng nghĩa, biến thể của thuật ngữ để xây dựng cơ sở lý luận cho việc xác định khái niệm đồng nghĩa trong thuật ngữ và phân tích hiện tượng đồng nghĩa trong thuật ngữ. Từ đó, chúng tôi miêu tả, phân tích thành tổ trực tiếp và phân loại các đồng nghĩa trong thuật ngữ ngành ô tô dựa trên cứ liệu hệ thống thuật ngữ tiếng Anh. Phương pháp và các thủ pháp diễn dịch, quy nạp được dùng để đưa ra các nhận định và đề xuất phù hợp với các xu hướng của đồng nghĩa.

4.2. Ngữ liệu

Trong nghiên cứu về thuật ngữ, việc lựa chọn ngữ liệu từ các quyền từ điển là một phương án có độ tin cậy cao và thường được sử dụng (Faber P, 2012; Kageura K, 2002; Kageura K, 2012) bởi chúng là nguồn dữ liệu quan trọng về hệ thống khái niệm chuyên ngành và hệ thống ngữ nghĩa, khái niệm liên quan đến tri thức được thể hiện.

Trong nghiên cứu này, ngữ liệu nghiên cứu là hệ thống thuật ngữ tiếng Anh được lựa chọn từ cuốn từ điển đối chiếu “Từ điển Anh Việt chuyên ngành công nghệ ô tô” của Đỗ Văn Dũng (Nhà xuất bản thống kê, năm 2003). Hiện tượng đồng nghĩa thuật ngữ tiếng Anh thể hiện của thuật ngữ tiếng Anh được xác định thông qua nội dung chú thích và định nghĩa của 2.197 khái niệm sử dụng trong ngành ô tô.

5. Hiện tượng đồng nghĩa trong thuật ngữ ngành ô tô tiếng Anh

Kết quả khảo sát cho thấy hiện tượng đồng nghĩa trong thuật ngữ ngành ô tô trong tiếng Anh chiếm một tỉ lệ không nhỏ, chiếm 12,92% khái niệm có đồng nghĩa thuật ngữ trong tổng số 2.197 khái niệm. Đặc biệt, trong ngữ liệu khảo sát cũng có nhiều khái niệm chuyên môn trong lĩnh vực này được thể hiện bằng ba hoặc bốn, thậm chí năm thuật ngữ khác nhau. Bảng tổng hợp dưới đây cho thấy sự đa dạng trong cách sử dụng thuật ngữ trong lĩnh vực ô tô trong tiếng Anh:

Bảng 1. Số lượng khái niệm có đồng nghĩa trong thuật ngữ ngành ô tô tiếng Anh

Stt	Nội dung	Tiếng Anh
1	Số lượng khái niệm có 01 thuật ngữ và 01 đồng nghĩa viết tắt	57
2	Số lượng khái niệm có 2 đồng nghĩa (không bao gồm đồng nghĩa viết tắt)	191
3	Số lượng khái niệm có 3 đồng nghĩa (không bao gồm đồng nghĩa viết tắt)	30
4	Số lượng khái niệm có 4 đồng nghĩa (không bao gồm đồng nghĩa viết tắt)	5
5	Số lượng khái niệm có 5 đồng nghĩa (không bao gồm đồng nghĩa viết tắt)	2
	Tổng	285

Như vậy, có thể thấy rằng cùng một khái niệm có thể có hơn hai đồng nghĩa thuật ngữ. Khái niệm có hai đồng nghĩa chiếm số lượng cao nhất, trong khi đó số lượng khái niệm có nhiều hơn hai đồng nghĩa giảm dần đến mức hai trường hợp với khái niệm có năm đồng nghĩa.

Các đồng nghĩa thuật ngữ khá đa dạng, có mặt ở hầu hết các hình thức được xác định ở trên.

Trong nghiên cứu này, để phân loại một cách chính xác, các đồng nghĩa thuật ngữ được xếp đối sánh theo từng cặp. Các khái niệm có hai đồng nghĩa bao gồm một thuật ngữ gốc và một đồng nghĩa viết tắt được khảo sát, tổng hợp và phân tích riêng. Riêng đối với những trường hợp có từ ba đồng nghĩa trở lên (không bao gồm các đồng nghĩa viết tắt), các hình thức đồng nghĩa được phân tích chung cho tất cả các thuật ngữ mà không cần phân tách thành từng cặp vì chúng có thể thuộc cùng một hoặc hai dạng thức. Chính vì vậy số trường hợp đồng nghĩa xuất hiện trong khối ngữ liệu sẽ nhiều hơn số lượng khái niệm có đồng nghĩa.

Qua kết quả khảo sát, phân loại, các đồng nghĩa thuật ngữ ngành ô tô trong tiếng Anh và tiếng Việt được sắp xếp theo 09 dạng thức khác nhau, tùy vào sự thay đổi về hình thức và mức độ khác biệt ngữ nghĩa và sự lựa chọn phạm trù để thể hiện các khái niệm. Các dạng thức đó được phân tích với các trường hợp cụ thể để từ đó tìm ra được những nguyên nhân chính cho việc sử dụng các đồng nghĩa cho cùng khái niệm.

Bảng 2. Số lượng đồng nghĩa theo các hình thức trong thuật ngữ ngành ô tô tiếng Anh

Stt	Hình thức đồng nghĩa	Số lượng (trường hợp)
1	Đồng nghĩa do cách viết chính tả	4
2	Đồng nghĩa do thay đổi hình thái	5
3	Đồng nghĩa do sử dụng từ viết tắt	63 ¹
4	Đồng nghĩa do sử dụng từ ngữ phương ngữ	72
5	Đồng nghĩa do ngữ vực khác nhau	24
6	Đồng nghĩa do sử dụng yếu tố đồng nghĩa	30
7	Đồng nghĩa do yếu tố lịch đại	1
8	Đồng nghĩa do thay đổi đặc điểm của khái niệm thể hiện trong thành tố phụ	78
9	Đồng nghĩa do thay đổi đặc điểm của khái niệm thể hiện trong thành tố chính	37
	Tổng	314

5.1. Đồng nghĩa do cách viết chính tả

Đồng nghĩa do cách viết tả có thể tìm thấy trong ngữ liệu tiếng Anh với tỉ lệ nhỏ do phần lớn các từ vựng được các tác giả lựa chọn, thống nhất trước khi đưa vào trong từ điển. Đồng nghĩa thuật ngữ tiếng Anh có hai dạng chính. Dạng thứ nhất, đồng nghĩa chữ viết, chính tả thể hiện qua sự thay đổi về cách viết chính tả trong tiếng Anh - Anh và Anh - Mỹ như “caburettor” và “caburetor” (bộ chế hòa khí, chế hòa khí, bình xăng con), “tyre” và “tire” (lốp xe, vỏ xe) hoặc “baulk ring” và “balk ring” (vòng đồng tốc). Ngoài ra, trong tiếng Anh - Anh, đồng nghĩa thuật ngữ về chính tả cũng có sự khác biệt trong việc sử dụng các thuật ngữ vay mượn từ nước ngoài như “fascia” và “facia” (tiếng Italia) (bảng tableau, bảng đồng hồ và công tắc điều khiển).

5.2. Đồng nghĩa do thay đổi hình thái

Tiếng Anh là ngôn ngữ biến hình, do đó, sự xuất hiện đồng nghĩa hình thái thể hiện đặc trưng của loại hình ngôn ngữ này. Đồng nghĩa do thay đổi hình thái trong thuật ngữ ngành ô tô trong tiếng Anh có thể thấy ở nhiều dạng khác nhau. Đồng nghĩa có thể xuất hiện ở các thành tố phụ đóng vai trò xác định đặc trưng của khái niệm (5 trường hợp) như cặp danh từ và danh động từ (phân từ hiện tại) trong thuật ngữ “idle speed” và “idling speed” (tốc độ cầm chừng), “spark plug” và “sparkling plug” (bougie, bugi) hay phân từ quá khứ và tính từ trong thuật ngữ “sooted plug” và “sooty plug” (bougie phủ muội than).

Bên cạnh đó, đồng nghĩa do thay đổi hình thái còn xuất hiện đồng thời cùng với các hiện tượng đồng nghĩa khác của thuật ngữ. Vì hình thức đồng nghĩa hình thái không phải là đặc điểm nổi bật

¹ Đồng nghĩa viết tắt bao gồm 57 khái niệm có 1 thuật ngữ và 1 đồng nghĩa viết tắt và 6 khái niệm có hơn hai dạng đồng nghĩa bao gồm cả đồng nghĩa viết tắt

trong các đồng nghĩa nên chúng tôi không xếp chúng trong dạng thức đồng nghĩa như được phân tích ở đây. Một số dạng đồng nghĩa hình thái có thể thấy trong ngữ liệu bao gồm “**catalytic layer**” và “**catalyst coating**” (lớp xúc tác). “Layer” và “coating” trong trường hợp này có thể xem là một cặp từ đồng nghĩa, trong khi đó “catalytic” (tính từ) là một đồng nghĩa hình thái của danh từ “catalyst”. Tương tự như vậy chúng ta có cặp “wheel **balancer**” và “wheel **balancing** machine” (thiết bị cân bằng bánh xe), trong đó, “balancer” (danh từ) là đồng nghĩa hình thái của “balancing machine”.

Trong số các đồng nghĩa hình thái của thuật ngữ, một dạng đặc biệt được xác định với sự kết hợp giữa rút gọn, thay đổi hình thái và cú pháp của cụm từ để trở thành một thuật ngữ ngắn gọn hơn như “viscous coupling differential” và “visco-differential” (bộ vi sai có khớp nối nhớt). Trong trường hợp này, một cụm từ được chuyển sang một từ ghép cùng với sự thay đổi hình thái của tính từ “viscous” thành danh từ “visco”. Tương tự như vậy là trường hợp cặp đồng nghĩa “headlight **dipper** switch” và “**dipswitch**” (công tắc chuyển đổi pha-cốt).

Ngoài ra, đồng nghĩa hình thái cũng xuất hiện trong nhóm sử dụng đặc điểm khác của khái niệm (ở thành tố phụ) như trường hợp “**torsional** vibration damper” và “**torsion** damper” (bộ giảm giao động xoắn).

5.3. Đồng nghĩa do sử dụng từ viết tắt

Việc sử dụng đồng nghĩa là từ viết tắt là hiện tượng phổ biến trong tiếng Anh. Trong nghiên cứu này, những thuật ngữ chỉ có một đồng nghĩa duy nhất ở dạng viết tắt được khảo sát riêng, những trường hợp có hơn hai dạng đồng nghĩa (bao gồm cả đồng nghĩa viết tắt) không được tổng hợp theo hình thức này do số lượng khá ít (6 thuật ngữ) trong số 63 thuật ngữ được xác định. Theo đó, có hai hình thức viết tắt chính trong hệ thống thuật ngữ tiếng Anh là viết tắt bằng các chữ cái đầu (SFI - sequential fuel injection (hệ thống phun nhiên liệu tuần tự) và hình thức viết tắt một thành tố của thuật ngữ hoặc kết hợp cả hai hình thức như UJ - U-joint - universal joint (khớp nối vạn năng), HT distributor - high tension distributor (bộ chia điện cao áp), CV joint - constant velocity joint (khớp đồng tốc), EGR valve - exhaust gas recirculation valve (van hồi lưu khí thải). Ngoài ra, còn có một hình thức rút gọn thuật ngữ như trong trường hợp “automatic choke” (bướm gió tự động) thành “autochoke” cũng có thể xem là một dạng viết tắt. Hình thức viết tắt thứ nhất là phương án phổ biến nhất trong hệ thống thuật ngữ tiếng Anh, một số trường hợp như vậy được thể hiện trong bảng dưới đây:

STT	Thuật ngữ	Viết tắt	Thuật ngữ Tiếng Việt tương ứng
1	bottom dead centre	BDC	điểm chết dưới
2	rear-wheel drive	RWD	truyền động bánh sau
3	single point injection	SPI	hệ thống phun đơn điểm
4	front-wheel drive	FWD	cầu trước chủ động
5	anti-lock braking system	ABS	hệ thống phanh chống bó cứng

5.4. Đồng nghĩa do sử dụng từ ngữ phương ngữ

Đồng nghĩa do sử dụng từ ngữ phương ngữ là hiện tượng khá phổ biến trong ngữ liệu được khảo sát (72 trường hợp). Trong đó, các thuật ngữ khác nhau trong tiếng Anh được sử dụng để thể hiện khái niệm chuyên môn của hai nước Anh và Mỹ. Một số ví dụ có thể thấy rõ trong bảng tổng hợp dưới đây:

STT	Anh - Anh	Anh - Mỹ	Thuật ngữ Tiếng Việt tương ứng
1	aerial	antenna	ăng ten
2	change gear	shift gear	chuyển số
3	bonnet	hood	nắp capô
4	boot	trunk	ngăn hành lý

5	epicyclical gearbox	planetary transmission	hộp số bánh răng hành tinh
6	four-stroke	four-cycle	bốn thì
7	induction stroke	intake stroke	thì nạp
8	manual gearbox	manual transmission	hộp số thường
9	wishbone	A-arm	đòn chữ A
10	windscreen	windshield	kính chắn gió

5.5. Đồng nghĩa do ngữ vực khác nhau

Trong những ngữ cảnh khác nhau, các thuật ngữ khác nhau cho một khái niệm cũng thường được dùng để trao đổi, chia sẻ thông tin trong lĩnh vực chuyên môn ngành ô tô. Các thuật ngữ khác nhau thường được chú thích trong từ điển theo hai trường hợp sử dụng bao gồm thuật ngữ chính thức và thuật ngữ sử dụng trong giao tiếp thông thường (informal). Thuật ngữ tiếng Anh xuất hiện khá nhiều với 24 trường hợp.

Phần lớn các thuật ngữ tiếng Anh được dùng trong tình huống thông thường là các dạng rút gọn của các thuật ngữ chính thức. Một số thuật ngữ dạng này được tổng hợp ở bảng dưới đây:

Stt	Thuật ngữ trong các văn bản chính thức	Thuật ngữ dùng trong giao tiếp thông thường	Thuật ngữ Tiếng Việt tương ứng
1	lubricating oil	lube oil	dầu bôi trơn
2	lubrication	Lube, lube job	sự bôi trơn
3	propeller shaft	prop shaft	trục truyền động
4	tachometer	a rev counter, tach(o)	đồng hồ đo tốc độ động cơ
5	dashboard	dash	bảng tableau

Ngoài ra, một số thuật ngữ được lược bỏ thành tố phụ để trở thành một thuật ngữ mang khái niệm bao hàm cũng được dùng để thay thế cho thuật ngữ gốc. Như Feixa J, 2006, khẳng định, thông thường, theo cách này, thuật ngữ mang nghĩa bao hàm, rộng hơn so với thuật ngữ gốc được sử dụng sau khi thuật ngữ gốc đã được nhắc đến trong ngữ cảnh, văn bản cụ thể, nhờ đó có thể tránh sự hiểu nhầm, khó hiểu cho người đọc, người tiếp nhận thông tin như trong trường hợp thuật ngữ “converter” được dùng thay thế cho “catalytic converter” (bộ xúc tác). Bên cạnh đó, cũng có những thuật ngữ không mang sắc thái trang trọng được sử dụng thay thế cho các thuật ngữ như “squirt box” thay cho “carburettor” (bộ chế hòa khí, chế hòa khí, bình xăng con) hay “gearstick” thay cho “gear lever” (cần số).

5.6. Đồng nghĩa do sử dụng yếu tố đồng nghĩa

Việc sử dụng yếu tố đồng nghĩa để thể hiện cùng một khái niệm là hiện tượng khá phổ biến trong tiếng Anh (30 trường hợp). Yếu tố đồng nghĩa được sử dụng trong các thuật ngữ thể hiện ở các cấp độ từ và từ với chức năng một thành tố cấu tạo trong cụm từ.

Ở cấp độ từ, chúng ta có thể thấy những cặp động từ tương đương trong tiếng Anh như “dismantle - disassemble” (tháo rời các bộ phận), “grab - snatch” (phanh đột ngột). Trong khi đó, ở cấp độ cụm từ, các thành tố cấu tạo là từ đồng nghĩa cũng thường được sử dụng để thay thế cho nhau như “**brake light**” và “**stop light**” (đèn phanh). Các thành tố chính trong các cụm từ cũng được thay thế bằng các từ đồng nghĩa như “axle **casing**” và “axle **housing**” (vỏ cầu xe), “engine **compartment**” hay “engine **bay**” (khoang động cơ).

5.7. Đồng nghĩa do yếu tố lịch đại

Bên cạnh các thuật ngữ chính thức được dùng trong lĩnh vực ô tô, ngữ liệu cũng cho thấy một dạng đồng nghĩa mới được sử dụng để thay thế cho các thuật ngữ không còn được sử dụng phổ biến nữa. Dạng đồng nghĩa này xuất hiện không nhiều, chỉ có 01 trường hợp. Trong tiếng Anh, thuật ngữ “vehicle identification number” được dùng để thay thế cho tổ hợp từ không còn dùng nữa là “chassis number” (số khung).

5.8. Đồng nghĩa do thay đổi đặc điểm của khái niệm thể hiện trong thành tố phụ

Các đồng nghĩa của thuật ngữ cũng xuất hiện khi một đặc điểm khác của khái niệm được sử dụng để thay thế cho thuật ngữ gốc. Các đồng nghĩa dạng này được thể hiện qua sự thay đổi về các thành tố phụ miêu tả đặc trưng của khái niệm. Việc thay đổi nội dung của thành tố phụ cũng khá đa dạng, từ việc thay thế bằng một đặc điểm mang nghĩa bao hàm hoặc thành phần, hoặc có thể là sự thay đổi đặc điểm trong phạm trù tương đương, đến việc rút gọn một phương diện nào đó của thành tố phụ. Đây là hiện tượng phổ biến nhất trong tiếng Anh với 78 trường hợp.

Một đặc điểm mang khái niệm bao hàm thay thế một đặc điểm của thuật ngữ gốc là một lựa chọn khá dễ dàng vì sự gần gũi của chúng. Chúng ta có thể thấy cách sử dụng thuật ngữ dạng này trong hệ thống thuật ngữ ngành ô tô tiếng Anh. Trong thuật ngữ “oil level sensor” và “low oil sensor” (cảm biến mực dầu), các thành tố phụ “oil level” mang nghĩa bao hàm còn “low oil” chỉ mức độ của phạm trù được sử dụng để thay thế.

Việc sử dụng các đặc điểm có phạm trù tương đương để thay thế cho nhau cũng là một cách để tạo ra các đồng nghĩa. Trong tiếng Anh, thuật ngữ “intermediate drive plate - centre drive plate” (đĩa truyền động trung gian), “top dead centre - inner dead centre - upper dead centre” (điểm chết trên), “bottom dead centre - lower dead centre - outer dead centre” (điểm chết dưới) là những thuật ngữ có những đặc điểm cùng phạm trù chỉ vị trí được sử dụng để thay thế cho nhau.

Sự thay đổi đặc điểm của khái niệm cũng thể hiện rõ trong việc sử dụng các đồng nghĩa rút gọn của thuật ngữ gốc. Bảng tổng hợp dưới đây thể hiện một số đồng nghĩa thuật ngữ dạng này:

STT	Thuật ngữ	Thuật ngữ rút gọn	Thuật ngữ Tiếng Việt tương ứng
1	engine speed limiter	limiter	bộ giới hạn tốc độ động cơ
2	differential side gear	side gear	bánh răng côn trục cầu xe
3	electronic control unit	control unit	cụm điều khiển điện tử
4	steering wheel	wheel	vô lăng

Việc sử dụng các đồng nghĩa rút gọn là một phương án khá phổ biến để tránh sự trùng lặp trong các ngữ cảnh, văn bản đặc biệt là khi các nội dung đều thể hiện các chủ đề rõ ràng. Tuy nhiên, nếu sử dụng riêng lẻ, không có các nội dung liên quan, người đọc, người tiếp nhận thông tin có thể không hiểu rõ nội dung của khái niệm hoặc hiểu sai khái niệm. Chẳng hạn trường hợp “wheel” được sử dụng thay thế cho “steering wheel” (vô lăng, tay lái, bánh lái) có thể dẫn đến một cách hiểu khác vì “wheel” cũng có thể thể hiện một khái niệm khác (bánh xe).

Một hình thức rút gọn thuật ngữ khác cũng được sử dụng khi một thành tố của thành tố phụ mô tả đặc trưng của thuật ngữ được lược bỏ. Một số ví dụ cụ thể như: “power-assisted steering” và “power steering” (hệ thống lái có trợ lực), “tyre pressure gauge” và “tyre gauge” (dụng cụ đo áp suất lốp xe), “fuel-injected engine” và “injected engine” (động cơ phun xăng). Cũng giống như các trường hợp rút gọn khác, nghĩa của các thuật ngữ có thay đổi ở mức độ nhất định và có thể gây khó hiểu cho người đọc tiếp nhận thông tin, đặc biệt là trong các trường hợp các thành tố đó cũng góp phần tạo thành đặc trưng cơ bản của khái niệm.

Hình thức sử dụng đồng nghĩa thuật ngữ phổ biến khác là việc lựa chọn các đặc trưng của khái niệm để thay thế cho nhau. Có thể thấy rõ như trường hợp “safety belt” thay cho “seat belt” (dây đai an toàn). Một danh từ “seat” (ghế ngồi) chỉ bộ phận bao hàm của thành tố chính “belt” (dây đai) được thay bằng một tính từ “safety” chỉ tính năng của thành tố chính. Trong trường hợp thuật ngữ “activated carbon canister - vapour canister - adsorption canister” (bầu lọc hơi xăng than hoạt tính, bầu hút hơi xăng), ba đặc trưng được sử dụng để thay thế cho nhau bao gồm “activated carbon” (chất liệu), “vapour” (khái niệm cụ thể - hơi xăng) và “adsorption” (hoạt động - hấp thụ, hút), qua đó tạo thành ba đồng nghĩa thuật ngữ chỉ cùng một khái niệm. Một số thuật ngữ tương tự được thể hiện trong bảng dưới đây:

STT	Thuật ngữ	Thuật ngữ đồng nghĩa	Thuật ngữ tiếng Việt tương ứng
1	power stroke	expansion stroke	thì nổ
2	tyre pressure	inflation pressure	áp suất lốp xe
3	water jacket	cooling jacket	áo nước
4	wet clutch	oil immersed clutch	bộ ly hợp ướt
5	sun gear	centre gear	bánh răng mặt trời

5.9. Đồng nghĩa do thay đổi đặc điểm của khái niệm thể hiện trong thành tố chính

Một dạng đồng nghĩa khác của thuật ngữ được thể hiện thông qua sự thay đổi của thành tố chính hoặc cả thành tố chính và thành tố phụ. Đây là những đồng nghĩa thuật ngữ thể hiện sự khác biệt ngữ nghĩa lớn nhất do sự khác biệt về quá trình khái niệm hóa và do sự thay thế các phạm trù ngữ nghĩa của các thành tố chính và thành tố phụ. Dạng đồng nghĩa xuất hiện tương đối nhiều với 37 trường hợp.

Hình thức đồng nghĩa đầu tiên là dạng rút gọn thuật ngữ trong đó thành tố chính của thuật ngữ bị lược đi:

Stt	Thuật ngữ	Thuật ngữ đồng nghĩa	Thuật ngữ tiếng Việt tương ứng
1	exhaust system	exhaust	hệ thống thải
2	front seat	front	ghế trước
3	front end	front	đầu xe
4	steering system	steering	hệ thống lái
5	spare wheel	spare	bánh xe dự phòng

Như vậy, cũng giống như hình thức rút gọn thành tố phụ, hình thức tính lược thành tố chính cũng là một cách để tránh sự trùng lặp, nhắc lại các thuật ngữ trong các văn bản và ngữ cảnh trao đổi, chia sẻ thông tin. Phương thức này cũng có thể gây ra những nhầm lẫn trong cách tiếp cận khái niệm của người tiếp nhận thông tin do các đồng nghĩa rút gọn có nhiều nghĩa khác nhau, thể hiện nội dung khái niệm khác nhau. Cụ thể, thuật ngữ rút gọn “**front**” có thể thay thế cho “**front seat**” (ghế trước) và “**front end**” (đầu xe), thuật ngữ “**exhaust**” thay thế cho “**exhaust system**” (hệ thống thải) và “**exhaust gas**” (khí thải).

Một dạng đồng nghĩa thuật ngữ khác là cách sử dụng một thành tố chính mang nghĩa bộ phận để thay thế cho phạm trù bao hàm. Những đồng nghĩa thuật ngữ dạng này trong tiếng Anh như: “**diesel fuel**” (nhiên liệu diesel) và “**diesel oil**” (dầu diesel), “**cylinder liner**” và “**cylinder sleeve**” (sơ mi, ống lót).

Các thành tố chính của thuật ngữ cũng được thay thế bằng các phạm trù khác biệt do cách lựa chọn đặc điểm đặc trưng để thể hiện khái niệm khác nhau. Trong tiếng Anh, các thuật ngữ như “**bumper bracket**” và “**bumper iron**” (giá thanh chắn), “**clutch lining**” và “**clutch facing**” (vòng đĩa ma sát ly hợp), “**piston crown**” - “**piston head**” (đỉnh pít-tông) đều thể hiện cách tiếp cận khác nhau trong việc mô tả đặc trưng của thuật ngữ.

Sự thay đổi ngữ nghĩa lớn nhất đối với các đồng nghĩa thuật ngữ thể hiện rõ trong việc thay thế cả thành tố chính và thành tố phụ bằng các phạm trù, đặc trưng miêu tả khái niệm hoàn toàn khác nhau. Sự thay đổi rõ nhất trong tiếng Anh thể hiện qua thuật ngữ “**transverse engine**” và “**east-west layout**” (động cơ nằm ngang).

6. Kết luận

Từ kết quả khảo sát, phân tích các đồng nghĩa thuật ngữ ngành ô tô trong tiếng Anh, có thể đưa ra một số kết luận như sau:

Thứ nhất, đồng nghĩa là một hiện tượng ngôn ngữ khá phổ biến trong hệ thống thuật ngữ ngành ô tô trong tiếng Anh nói riêng và trong công tác nghiên cứu thuật ngữ nói chung. Các đồng nghĩa thuật ngữ

ngữ ngành ô tô tiếng Anh xuất hiện khá đa dạng với nhiều hình thức khác nhau bao gồm: (1) đồng nghĩa do cách viết chính tả, (2) đồng nghĩa do thay đổi hình thái, (3) đồng nghĩa do sử dụng từ viết tắt, (4) đồng nghĩa do sử dụng từ ngữ phương ngữ, (5) đồng nghĩa do ngữ vực khác nhau, (6) đồng nghĩa do sử dụng yếu tố đồng nghĩa, (7) đồng nghĩa do yếu tố lịch đại, (8) đồng nghĩa do thay đổi đặc trưng khái niệm của thuật ngữ thể hiện trong thành tố phụ và (9) đồng nghĩa do thay đổi đặc trưng khái niệm của thuật ngữ thể hiện trong thành tố chính.

Thứ hai, một dạng thức đồng nghĩa không xuất hiện trong ngữ liệu được khảo sát là đồng nghĩa hình thái-cú pháp. Tuy vậy, với việc mở rộng nghiên cứu, những dạng thức như trên hoàn toàn có khả năng xuất hiện trong các văn cảnh khác nhau do việc sử dụng đồng nghĩa thuật ngữ còn phụ thuộc và các mục đích, phong cách viết khác nhau để tránh hiện tượng trùng lặp, đề tri thức trong văn bản chuyên môn được thể hiện đa dạng mà vẫn đảm bảo tính chặt chẽ (Freixa J, 2006).

Thứ ba, qua những phân tích cụ thể về từng trường hợp đồng nghĩa thuật ngữ xuất hiện trong các ngữ liệu khảo sát, có thể xác định được một số nguyên nhân của hiện tượng trên bao gồm: (1) ảnh hưởng của yếu tố vùng miền (phương ngữ) (2) ngữ vực và người sử dụng (3) từ vay mượn (4) cách tiếp cận đặc trưng khái niệm khác nhau (cách tri nhận khác nhau). Bên cạnh đó, việc sử dụng đồng nghĩa thuật ngữ, đặc biệt là thuật ngữ ở dạng rút gọn, cũng xuất phát từ mong muốn diễn đạt các khái niệm và tri thức chuyên môn một cách linh hoạt, tránh việc sử dụng trùng lặp, dài dòng trong các văn bản chuyên môn. Tuy nhiên, các dạng đồng nghĩa này nên được sử dụng một cách phù hợp để tránh việc hiểu sai các tri thức đó.

Thứ tư, qua phân loại và phân tích các nguyên nhân của hiện tượng đồng nghĩa giúp cho chúng ta có một cái nhìn tổng quan, toàn diện hơn về phương thức định danh thuật ngữ đặc biệt này. Hơn nữa, đây cũng chính là cơ sở cho việc lựa chọn, chuẩn hóa, kế hoạch hóa cũng như xây dựng, phát triển hệ thống thuật ngữ phục vụ cho những mục đích khác nhau trong công tác nghiên cứu và ứng dụng thuật ngữ, nâng cao hiệu quả trong việc trao đổi, chia sẻ tri thức chuyên ngành. Tuy vậy, để đạt những mục tiêu như trên cần có những nghiên cứu sâu rộng hơn về hiện tượng đồng nghĩa, đặc biệt là các nghiên cứu về việc sử dụng thuật ngữ trong thực tế và nghiên cứu về từ nguyên học như đề xuất của Grinev, 2007.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Văn Dũng (200), *Từ điển Anh Việt chuyên ngành công nghệ ô tô*, Nhà xuất bản thống kê, Hà Nội.
2. Cabré, M. T.(1999), *Terminology: Theory, methods and applications*. John Benjamins Publishing, Amsterdam/ Philadelphia.
3. Cabré, M. T.(2003), *Theories of terminology. Their description, prescription and explanation*, John Benjamins Publishing, Amsterdam/ Philadelphia.
4. Cocca M.(2016), Terminological synonyms in Czech and English sports terminologies, *Linguistica Pragensia*, 26(2), pp.21-32.
5. Faber P.(2012), *A Cognitive Linguistics View of Terminology and Specialized Language*, Mouton de Gruyter, Berlin/Boston.
6. Faber, P., León-Araúz, P.(2016), Specialized knowledge representation and the parameterization of context, *Frontiers in Psychology*, 7(196), pp.1-20.
7. Fernadez-Silva, S.(2018), The Cognitive and Communicative Functions of Term Variation in Research Articles: A Comparative Study in Psychology and Geology, in *Applied Linguistics*, Oxford University Press, pp.1-23.
8. Freixa, J.(2006), Causes of Denominative Variation in Terminology: A typology proposal, *Terminology* 12(1), pp.51-77.
9. Grinev (2007), Eliminating indeterminacy, Towards linguistic aspects of anthropogenesis, in *Indeterminacy in Terminology and LSP*, John Benjamins Publishing, Amsterdam/ Philadelphia.

10. Kageura K.(2002), *The Dynamics of Terminology*, John Benjamins, Amsterdam/Philadelphia.
11. Kageura, K.(2012), *The quantitative analysis of the dynamics and structure of terminologies*, John Benjamins, Amsterdam/Philadelphia.
12. Khisamova V., Abdullina L., Nurgalieva I., Motygullina Z.(2020), Problems of Synonym in the Medical Terminology of the English, Russian and Tatar Languages, *Humanities & Social Sciences Reviews*, 8(3), pp.527-535.
13. L'Homme M. C.(2020), *Lexical Semantics for Terminology: An Introduction*, John Benjamins, Amsterdam/Philadelphia.
14. León-Araúz. P., Cabezas-García, M.(2020), Term and translation variation of multi-word terms, in Mogorrón Huerta, Pedro (ed.). *Analysis of the Phenomenon of Phraseological Variation in Translation and Interpreting*, MonTI Special Issue 6, pp.210-247.
15. León-Araúz, P., Cabezas-García, M., Reimerink, A.(2020), Representing Multiword Term Variation in a Terminological Knowledge Base: a Corpus-Based Study, in *Proceeding of the 12th Conference on Language Resources and Evaluation (LREC 2020)*, pp.2358–2367, Marseille.
16. Polackova G.(2001), Synonymy of medical terminology from the point of view of comparative linguistics, *Bratisl Lek Listy*, 102 (3), pp.174–177.
17. Temmerman, R.(2000), *Towards New Ways of Terminology Description. The sociocognitive approach*, John Benjamins, Amsterdam/Philadelphia.

A study on English synonymous terms in automobile engineering

Abstract: Since traditional terminology theory states that each term must corresponds to a single concept to ensure the accuracy of terminology, synonyms are excluded from the system. Nevertheless, synonymous terms used for one concept occur at certain degrees in different types of specialized text and other means of communication. This paper explores synonymy in terminology in general and clarifies types and causes of English synonymous terms in automobile engineering in particular. The study employed intermediate constituent analysis on the dataset of 2197 concepts extracted from an English-Vietnamese automobile engineering dictionary. The finding shows that 285 ones were expressed with equivalent terms and 314 synonymous pairs were identified with 9 types including spelling, morphology, abbreviation and acronym, dialect, register, using synonymous components, diachronic alternation, changes in modifiers and in heads. Besides, the causes of such phenomena regarding intralinguistic and extralinguistic factors were also addressed.

Key words: terms; synonymy; synonymous terms; types of synonyms; concepts.